TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 01 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Thỏ.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Việt T, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Phạm Việt T kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, chị O và anh T có 02 người con chung là cháu Phạm Phương T, sinh ngày 03/02/2003 và Phạm Phương Bảo N, sinh ngày 01/6/2012 (cả hai cháu hiện đang sống chung với chị O).

Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau. Anh Phạm Việt T không lo làm ăn mà thường xuyên nghi kỵ việc chị O không chung thủy, có người khác bên ngoài. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân chỉ làm khổ cho cả hai bên nên vợ chồng đã ly thân với nhau.

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16-6-2022, chị Nguyễn Thị Kiều O yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Phạm Việt T;

- Về con chung: Yêu cầu giao 02 con chung tên Phạm Phương T, sinh ngày 03/02/2003 và Phạm Phương Bảo N, sinh ngày 01/6/2012 cho chị Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Phạm Việt T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-11-2022, chị Nguyễn Thị Kiều O thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với vấn đề con chung: Do cháu Phạm Phương T đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu giao cháu Phạm Phương Bảo N cho chị Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Phạm Việt T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Việt T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Việt T thống nhất với nội dung trình bày trong khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều O, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị O được ly hôn.

- Về con chung: Cháu Phạm Phương T đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phạm Phương Bảo N, theo yêu cầu của chị O và nguyện vọng của cháu là tiếp tục sống chung với chị O nên anh T đồng ý giao cháu Ngọc cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, anh yêu cầu Tòa án ghi nhận rõ quyền của anh được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nếu có đủ căn cứ cho thấy chị O không còn khả năng đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Anh T thống nhất không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21-11-2022, cháu Phạm Phương Bảo N trình bày: Cháu biết việc cha mẹ quyết định ly hôn với nhau cho nên sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Đây là nguyện vọng của riêng cháu, không có ai lừa dối hay ép buộc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong

giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn, giao con chung là cháu Phạm Phương Bảo N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 16-6-2022, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O yêu cầu được ly hôn với bị đơn Phạm Việt T; về con chung giao cháu Phạm Phương Bảo N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết. Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O và bị đơn Phạm Việt T đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30-7-2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo nguyên đơn trình bày, do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau. Anh Phạm Việt T không lo làm ăn mà thường xuyên nghi kỵ việc chị O không chung thủy, có người khác bên ngoài. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân chỉ làm khổ cho cả hai bên nên vợ chồng đã ly thân với nhau. Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Việt T cũng cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nữa nên bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

[5] Xét thấy, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay cả hai không còn sống chung và quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Phạm Việt T được ly hôn.

[5] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung. Do cháu Phạm Phương T đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên cả hai thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phạm Phương Bảo N sinh ngày 01-6-2012, hiện đang chung sống với nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất

giao cháu Ngọc cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Phạm Phương Bảo N trình bày: Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Kiều O.

[6] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, cháu N đang được nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm gắn bó với nguyên đơn, điều kiện sống và học tập đều tốt nên việc giao cháu N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn Phạm Việt T yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án về quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O và bị đơn Phạm Việt T thống nhất trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Phạm Việt T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Phương Bảo N, sinh ngày 01-6-2012 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bị đơn Phạm Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc bị đơn Phạm Việt T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002719 ngày 19-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã N;
- UBND xã V, thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm